

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**
Bản án số: **956/2017/HSPT**
Ngày 28- 12-2017.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Văn Quang
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Phở
Ông Trần Nam Hà

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hạnh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Mai Chi - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 932/2017/HSPT ngày 01 tháng 12 năm 2017 với bị cáo Nguyễn Văn M và các bị cáo khác do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện TH, Hà Nội và kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 57/2017/HSST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện TH, Hà Nội.

Bị cáo bị kháng nghị:

1. Nguyễn Văn M, sinh năm 1975; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở thôn Đàn Viên, xã C, huyện TH, thành phố Hà Nội; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo không; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; con ông Nguyễn Văn L (Đã chết) và bà Nguyễn Thị M, có vợ là Nguyễn Thị H và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 07/3/2017 đến ngày 10/3/2017 được áp dụng biện pháp “ Cấm đi khỏi nơi cư trú”; bị cáo có mặt tại phiên tòa;

2. Lê Bá T; sinh năm 1976; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở thôn Thanh Thần, xã T, huyện TH, Thành phố Hà Nội; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo không; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 5/12; con ông Lê Bá Bội và bà Nguyễn Thị C; có vợ là Nguyễn Thị L và có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2012); tiền án, tiền sự không; nhân thân: Ngày 24/9/2005 bị Công an huyện TH xử phạt cảnh cáo về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Ngày 19/11/2008 bị UBND huyện TH áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 24 tháng, ngày 25/11/2010 đã chấp hành xong; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Bá L, sinh năm 1983; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở xã T, huyện TH, Thành phố Hà Nội; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo không; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 12/12; con ông Lê Bá X (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Phạm Thị H và có 2 con (con lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2012); tiền án, tiền sự không; bị tạm giữ từ ngày 07/3/2017 đến ngày 10/3/2017 được thay đổi bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Văn T, sinh năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở tổ 15, phường Đ, quận HĐ, thành phố Hà Nội; dân tộc Kinh; tôn giáo không; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 6 /12; con ông Nguyễn Văn S (đã chết) và bà Lê Thị Th; có vợ là Nguyễn Thị Th và 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự không; bị tạm giữ từ ngày 07/3/2017 đến ngày 10/3/2017 được thay đổi bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Quốc T; sinh năm: 1977; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở thôn Đ, xã C, huyện TH, Thành phố Hà Nội; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo không; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 8 /12; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ; có vợ là Nguyễn Thị H và có 3 con (con lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2015); tiền án, tiền sự

không; tạm giữ từ ngày 07/3/2017 đến ngày 13/3/2017, được thay đổi bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Văn L (tên gọi khác Duy), sinh năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở thôn Đ, xã C, huyện TH, thành phố Hà Nội; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo không; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 10/12; con ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Nguyễn Thị L và có 2 con (con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2016); tiền án, tiền sự không; bị cáo tại ngoại – có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Huy L, sinh năm 1987; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở thôn T, xã C, huyện TH, thành phố Hà Nội; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo không; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 8/12; con ông Nguyễn Huy L (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Hoàng Thị Huyền Tr và có 02 (con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2016); tiền án, tiền sự không; bị cáo tại ngoại – có mặt tại phiên tòa.

8. Bùi Xuân Th, sinh năm 1981; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở thôn Q, xã B, huyện TH, thành phố Hà Nội; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo không; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 12 /12; con ông Bùi Quang H và bà Nguyễn Thị Th; có vợ là Nguyễn Thị H và 02 con (con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2016); tiền án; tiền sự không; bị cáo tại ngoại – có mặt tại phiên tòa.

9. Nguyễn Văn T, sin năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở tổ 15, phường Đ, quận HĐ, thành phố Hà Nội; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo không; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 11/12; con ông Nguyễn Văn T và bà Đào Thị B; tiền án: không; tiền sự: Ngày 12/7/2016, bị Công an quận HĐ xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo tại ngoại – có mặt tại phiên tòa.

10. Nguyễn Văn C, sinh năm 1991; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở tổ 15, phường Đ, quận HĐ, Thành phố Hà Nội; quốc tịch Việt Nam; dân tộc

Kinh; tôn giáo không; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; con ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Đinh Thị Y và 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 07/3/2017 đến ngày 10/3/2017 được thay đổi bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

11. Nguyễn Văn Tr, sinh năm: 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở thôn Đ, xã C, huyện TH, thành phố Hà Nội; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo không; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 12/12; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Lê Thùy Tr và có 2 con (con lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2014); tiền án, tiền sự không; bị tạm giữ từ ngày 07/3/2017 đến ngày 10/3/2017 được thay đổi bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

12. Bùi Văn H, sinh năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở tổ 15, phường Đ, quận HĐ, thành phố Hà Nội; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; con ông Bùi Văn D (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại – có mặt tại phiên tòa;

13. Nguyễn Văn M, sinh năm 1976; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở thôn Đ, xã C, huyện TH, thành phố Hà Nội; quốc tịch Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 2/12; con ông Nguyễn Văn P (Đã chết) và bà Lê Thị M (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị V và có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 07/3/2017 đến ngày 13/3/2017 được thay đổi bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:

1. Đặng Văn N, sinh năm 1985; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở thôn K, xã B, huyện H, Thành phố Hà Nội; quốc tịch Việt Nam; dân tộc kinh; tôn giáo không; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 7/12; con ông Đặng

Như Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị D (đã chết); có vợ là Lê Thị Thu H và 02 con (con lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2014); tiền án, tiền sự không; nhân thân: Ngày 13/01/2011 bị Tòa án nhân dân quận HĐ xử phạt 7.000.000 đồng về tội “ Đánh bạc”; bị cáo tại ngoại – có mặt tại phiên tòa;

2. Nguyễn Đức L; sinh năm 1978; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở thôn D, xã B, huyện TH, thành phố Hà Nội; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo không; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá lớp 2 /12; con ông Nguyễn Đức L và bà Nguyễn Thị Q (đã chết); có vợ là Phạm Thị V và có 02 con (con lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2009); tiền án, tiền sự không; nhân thân: Ngày 23/8/1994, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tây xử phạt 36 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Cướp tài sản công dân”; Ngày 23/11/1995, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tây xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp tài sản công dân”; 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân”, tổng hợp với bản án số 60 ngày 23/8/1994, Nguyễn Đức L phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 6 năm 6 tháng tù, đã chấp hành xong hình phạt từ ngày 24/10/1998. bị tạm giữ từ ngày 07/3/2017 đến ngày 10/3/2017 được thay đổi bằng biện pháp “ Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TH và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện TH thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ, ngày 06/3/2017, Nguyễn Văn M trú tại thôn Đàn Viên, xã C, huyện TH, thành phố Hà Nội tổ chức cho các đối tượng Lê Bá T, Lê Bá L, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Văn C, Nguyễn Đức L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quốc T, Nguyễn Văn M, Bùi Văn H, Nguyễn Huy L, Bùi Xuân Th, Nguyễn Văn L (Tên gọi khác: Duy), Nguyễn Văn T, Đặng Văn N đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền tại gian bếp tầng 1 nhà ở của M. M là người chuẩn bị bát đĩa, quân bài, trực tiếp đóng mở cửa và thu tiền phé của mỗi người đánh bạc là

200.000đ. Lê Bá T là người xóc cái cho các đối tượng tham gia đánh bạc, các đối tượng tham gia đánh bạc liên tục đến 01 giờ ngày 07/3/2017 thì bị lực lượng công an thành phố Hà Nội phối hợp với công an xã C bắt quả tang, cùng tang vật vụ án. Quá trình bắt quả tang Lê Bá T bỏ chạy, đến ngày 31/3/2017, T đến cơ quan điều tra khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

Vật chứng thu giữ:

- 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị đường kính khoảng 1,5cm cắt bằng quân bài tam cúc và 9.850.000 đồng (*Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam*) thu trên mặt chiếu bạc và của Nguyễn Văn M.

- Thu giữ trên người các đối tượng 8.500.000 đồng trong đó có 5.800.000 đồng các đối tượng khai nhận sử dụng vào mục đích đánh bạc, số còn lại là của những người không tham gia đánh bạc.

Quá trình điều tra, M khai nhận: Trong khoảng thời gian từ ngày 02/3/2017 đến ngày 07/3/2017, M đứng ra tổ chức chuẩn bị địa điểm, dụng cụ đánh bạc, thuốc, nước uống cho các đối tượng vào nhà riêng tại thôn Đ, xã C, huyện TH, thành phố Hà Nội đánh bạc, hình thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền, để được hưởng lợi tiền phé của các đối tượng đánh bạc. M thu của mỗi người vào nhà đánh bạc 200.000 đồng tiền phé vào cửa, mỗi ca đánh bạc, M tổ chức từ khoảng 23 giờ ngày hôm trước đến 01 giờ sáng ngày hôm sau, mỗi ca có khoảng 13 đến 15 người đánh bạc. M không thuê người canh gác, không thuê người xóc cái, mà các con bạc tự xóc cái, đánh bạc với nhau, M được hưởng lợi toàn bộ tiền phé thu được của các con bạc để sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân. M đã tổ chức cho các đối tượng đánh xóc đĩa từ ngày 02/3/2017 đến ngày 07/3/2017 mỗi ngày M thu phé được khoảng 2.000.000 đồng, ngày 07/3/2017 M thu phé được 2.000.000 đồng. Tổng số tiền M được hưởng lợi từ các con bạc là 10.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2017/HSST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện TH, Hà Nội đã xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; các bị cáo Lê Bá T, Đặng Văn N, Nguyễn Đức L, Lê Bá L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quốc T, Nguyễn Văn L (Duy), Nguyễn Huy L, Bùi Xuân Th, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn Tr, Bùi Văn H, Nguyễn Văn M cùng phạm tội: “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 249; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình Sự, xử:

1. Phạt Nguyễn Văn M 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 30 (Ba mươi) tháng, thời thử thách tính từ ngày tuyên án 28/9/2017. Phạt tiền bổ sung đối với Mạnh là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình Sự, xử:

2. Phạt bị cáo Nguyễn Đức L 6 (sáu) tháng tù được trừ 03 ngày tạm giữ còn phải chấp hành 5 tháng 27 ngày tù (Năm tháng hai mươi bảy ngày) thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt tiền bổ sung đối với Nguyễn Đức L là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

3. Phạt Đặng Văn N 6 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt tiền bổ sung đối với Đặng Văn N là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

4. Phạt Nguyễn Văn T 5 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt tiền bổ sung đối với Nguyễn Văn T là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự.

5. Phạt Lê Bá L 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/9/2017. Phạt tiền bổ sung đối với Lê Bá L là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự:

6. Phạt Lê Bá T 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 18 (Mười tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/9/2017. Miễn hình phạt bổ sung cho Lê Bá T.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự.

7. Phạt Nguyễn Quốc T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 18 (Mười tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/9/2017. Phạt tiền bổ sung đối với Nguyễn Quốc T là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

8. Phạt Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 18 (Mười tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/9/2017. Phạt tiền bổ sung đối với Nguyễn Văn T là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

9. Phạt Nguyễn Văn L (Duy) 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 18 (Mười tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/9/2017. Phạt tiền bổ sung đối với Nguyễn Văn L (Duy) là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

10. Phạt Nguyễn Huy L 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 18 (Mười tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/9/2017. Phạt tiền bổ sung đối với Nguyễn Huy L là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

11. Phạt Bùi Xuân Th 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 12 (Mười hai) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/9/2017. Phạt tiền bổ sung đối với Bùi Xuân Th là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

12. Phạt Nguyễn Văn C 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 12 (Mười hai) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/9/2017. Phạt tiền bổ sung đối với Nguyễn Văn C là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

13. Phạt Nguyễn Văn Tr 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 12 (Mười hai) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/9/2017. Phạt tiền bổ sung đối với Nguyễn Văn Tr là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

14. Phạt Bùi Văn H 04 (bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 12 (Mười hai) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/9/2017. Phạt tiền bổ sung đối với Bùi Văn H là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

15. Phạt Nguyễn Văn M 04 (bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 12 (Mười hai) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/9/2017. Phạt tiền bổ sung đối với Nguyễn Văn M là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Quốc T, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Văn M cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện TH, thành phố Hà Nội nơi các bị cáo cư trú quản lý giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý giáo dục người bị kết án.

Giao các bị cáo Lê Bá L, Lê Bá T, Nguyễn Huy L cho Ủy ban nhân dân xã Th, huyện TH, Thành phố Hà Nội nơi các bị cáo cư trú quản lý giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý giáo dục người bị kết án.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C, Bùi Văn H cho Ủy ban nhân dân phường Đ, quận HĐ, Thành phố Hà Nội nơi các bị cáo cư trú quản lý

giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý giáo dục người bị kết án.

Giao bị cáo Bùi Xuân Th cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện TH, Thành phố Hà Nội nơi các bị cáo cư trú quản lý giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý giáo dục người bị kết án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/10/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện TH, thành phố Hà Nội có kháng nghị số 05/QĐ-VKS-HS về việc kháng nghị bản án số 57/2017/HSST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện TH đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục chung.

Ngày 02 và 05/10/2017, các bị cáo Đặng Văn N, Nguyễn Đức L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Đặng Văn N, Nguyễn Đức L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, chỉ đề nghị xem xét khoan hồng cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội trình bày quan điểm về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sửa nội dung kháng nghị, không yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, chỉ đề nghị sửa phần nhận định của bản án sơ thẩm về việc xác định số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc như kháng nghị đã nêu.

Về Nội dung: Căn cứ lời khai của các bị cáo; Biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn M về tội "Tổ chức đánh bạc"

theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; các bị cáo khác về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, khi xét xử Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 13.650.000 đồng là không đúng; căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 15.650.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng chấp nhận nội dung kháng nghị nêu trên, xác định các bị cáo sử dụng số tiền đánh bạc là 15.650.000 đồng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo mức án như vậy là phù hợp.

Xét kháng cáo của bị cáo Đặng Văn N và Nguyễn Đức L thấy: Bị cáo Đặng Văn N đã có 01 tiền án năm 2011 về cùng loại tội "Đánh bạc", tại cấp phúc thẩm không có tình tiết mới nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo. Đối với bị cáo Nguyễn Đức L tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình tài liệu, theo đó bị cáo đã nộp tiền phạt bổ sung theo quyết định của bản án sơ thẩm, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân là lao động chính. Đây là tình tiết mới giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo qui định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Do đó có cơ sở giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Do bị cáo nhân thân đã có 2 tiền án, mặc dù đã được xóa án tích nhưng vẫn xác định là nhân thân xấu, do vậy không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định của pháp luật.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung sửa kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện TH, Hà Nội và một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức L, sửa bản án sơ thẩm về phần nhận định, xác định số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 15.650.000 đồng; xử phạt bị cáo L mức án từ 3 đến 4 tháng tù; bác kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Đặng Văn N, Nguyễn Đức L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện TH, thành phố Hà Nội và kháng cáo của bị cáo Đặng Văn N, Nguyễn Đức L trong hạn luật định nên hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sửa kháng nghị, không yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, chỉ đề nghị sửa bản án sơ thẩm về phần nhận định của bản án, xác định số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 15.650.000 đồng, bản án sơ thẩm xác định số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 13.650.000 đồng là không chính xác. Các bị cáo Đặng Văn N, Nguyễn Đức L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Về nội dung: Căn cứ lời khai của các bị cáo, của các đối tượng liên quan; Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản thu giữ tài liệu, đồ vật và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 23 giờ ngày 06/3/2017 đến 01 giờ ngày 07/3/2017 Nguyễn Văn M đã dùng nhà ở của mình tại thôn Đ, xã C, huyện TH, thành phố Hà Nội, tổ chức cho các đối tượng đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền, để được hưởng lợi tiền phé mỗi người 200.000 đồng. Tổng số tiền M được hưởng lợi từ các đối tượng đến đánh bạc là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) những người chơi bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền gồm có các bị cáo: Lê Bá T, Đặng Văn N, Nguyễn Đức L, Lê Bá L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quốc T, Nguyễn Văn L (Duy), Nguyễn Huy L, Bùi Xuân Th, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn Tr, Bùi Văn H, Nguyễn Văn M. Số tiền thu giữ trên chiếu bạc, được xác định dùng để đánh bạc là 9.850.000 đồng, số tiền thu giữ trên người các đối tượng sử dụng để đánh bạc là 5.800.000 đồng tổng cộng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 15.650.000 đồng. Bản án sơ thẩm xác định số tiền các bị cáo

sử dụng để đánh bạc là 13.650.000 đồng là không chính xác. Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn M về tội "Tổ chức đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; các bị cáo khác về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện TH, Hà Nội đề nghị sửa bản án sơ thẩm về phần nhận định của bản án, xác định số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 15.650.000 đồng, bản án sơ thẩm xác định số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 13.650.000 đồng là không chính xác, Hội đồng xét xử, thấy: Như đã xác định ở trên, số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc trong vụ án là 15.650.000 đồng (thu dưới chiếu bạc là 9.850.000 đồng, thu trên người các bị cáo 5.800.000 đồng). Bản án sơ thẩm xác định số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 13.650.000 đồng là không đúng. Do đó, có cơ sở chấp nhận nội dung kháng nghị nêu trên của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện TH.

Xét kháng cáo của bị cáo Đặng Văn N và Nguyễn Đức L, thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng, nếp sống văn minh, văn hóa, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Các bị cáo đều nhận thức rõ việc tổ chức đánh bạc, cũng như việc đánh bạc dưới mọi hình thức đều bị nhà nước nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý vi phạm nhằm hưởng lợi bất chính. Căn cứ vào mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, xét thấy mức án 6 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với các bị cáo là đúng. Bị cáo Đặng Văn N đã có 01 tiền án năm 2011 về tội "Đánh bạc" mặc dù đã được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội "Đánh bạc", điều đó thể hiện bị cáo khó có thể tự cải tạo ngoài xã hội để trở thành người có ích cho xã hội. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo. Đối với bị cáo L tuy nhân thân bị cáo đã có tiền án nhưng đã được xóa từ lâu (tiền án năm 1998), từ đó đến nay bị cáo không có vi phạm gì; phạm tội có mức độ, là một trong những bị cáo sử dụng số tiền ít nhất để đánh bạc; quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo thành

khẩn khai báo, thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình tài liệu, theo đó bị cáo đã chấp hành hình phạt bổ sung và nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quyết định của bản án sơ thẩm, điều đó thể hiện sự ăn năn, ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, các con còn nhỏ, bản thân là lao động chính; bị cáo có nơi thường trú, cụ thể rõ ràng. Từ phân tích trên, xét thấy, có thể cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội thì cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội; việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì cũng không gây nguy hại gì cho xã hội. Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo L.

Về án phí: Theo qui định của pháp luật, các bị cáo Nguyễn Văn M, Lê Bá T, Lê Bá L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quốc T, Nguyễn Văn L (Duy), Nguyễn Huy L, Bùi Xuân Th, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn Tr, Bùi Văn H, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Đức L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Đặng Văn N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

I. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự:

Sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Đức L, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo khác, xử:

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 249; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình Sự, xử:

1. Phạt Nguyễn Văn M 15 (Mười lăm) tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo, thử thách 30 (Ba mươi) tháng, thời gian thử thách

tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/9/2017. Phạt tiền bổ sung đối với bị cáo M là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 (đối với bị cáo L) Điều 46; Điều 60 (đối với bị cáo Lập); Điều 20; Điều 53 của Bộ luật Hình Sự, xử:

2. Phạt bị cáo Nguyễn Đức L 6 tháng tù về tội "Đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện TH, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Đức L là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Xác nhận bị cáo đã nộp 3.200.000 đồng (tiền phạt bổ sung và tiền án phí hình sự sơ thẩm) theo các Biên lai thu tiền số 04495, số 04496 ngày 27/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TH, Hà Nội.

3. Phạt bị cáo Đặng Văn N 6 (Sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc", thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt tiền bổ sung đối với Đặng Văn N là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

4. Phạt bị cáo Nguyễn Văn T 5 tháng tù về tội "Đánh bạc" , thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt tiền bổ sung đối với Nguyễn Văn T là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự.

5. Phạt Lê Bá L 12 (Mười hai) tháng tù về tội "Đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo, thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/9/2017. Phạt tiền bổ sung đối với Lê Bá L là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự:

6. Phạt Lê Bá T 09 (Chín) tháng tù về tội "Đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo, thử thách 18 (Mười tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/9/2017. Miễn hình phạt bổ sung cho Lê Bá T.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự.

7. Phạt Nguyễn Quốc T 09 (chín) tháng tù về tội "Đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo, thử thách 18 (Mười tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/9/2017. Phạt tiền bổ sung đối với Nguyễn Quốc T là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

8. Phạt Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù về tội "Đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo, thử thách 18 (Mười tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/9/2017. Phạt tiền bổ sung đối với Nguyễn Văn T là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

9. Phạt Nguyễn Văn L (Duy) 09 (chín) tháng tù về tội "Đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo, thử thách 18 (Mười tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/9/2017. Phạt tiền bổ sung đối với Nguyễn Văn L (Duy) là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

10. Phạt Nguyễn Huy L 09 (chín) tháng tù về tội "Đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo, thử thách 18 (Mười tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/9/2017. Phạt tiền bổ sung đối với Nguyễn Huy L là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

11. Phạt Bùi Xuân Th 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo, thử thách 12 (Mười hai) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/9/2017. Phạt tiền bổ sung đối với Bùi Xuân Th là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

12. Phạt Nguyễn Văn C 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo, thử thách 12 (Mười hai) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày

tuyên án sơ thẩm 28/9/2017. Phạt tiền bổ sung đối với Nguyễn Văn C là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

13. Phạt Nguyễn Văn Tr 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo, thử thách 12 (Mười hai) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/9/2017. Phạt tiền bổ sung đối với Nguyễn Văn Tr là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

14. Phạt Bùi Văn H 04 (bốn) tháng tù về tội "Đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo, thử thách 12 (Mười hai) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/9/2017. Phạt tiền bổ sung đối với Bùi Văn H là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

15. Phạt Nguyễn Văn M 04 (bốn) tháng tù về tội "Đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo, thử thách 12 (Mười hai) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/9/2017. Phạt tiền bổ sung đối với Nguyễn Văn M là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Quốc T, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Văn M cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện TH, thành phố Hà Nội nơi các bị cáo cư trú quản lý giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý giáo dục người bị kết án.

Giao các bị cáo Lê Bá L, Lê Bá T, Nguyễn Huy L cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện TH, Thành phố Hà Nội nơi các bị cáo cư trú quản lý giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý giáo dục người bị kết án.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C, Bùi Văn H cho Ủy ban nhân dân phường Đ, quận HĐ, Thành phố Hà Nội nơi các bị cáo cư trú quản lý giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý giáo dục người bị kết án.

Giao bị cáo Bùi Xuân Th cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện TH, Thành phố Hà Nội nơi các bị cáo cư trú quản lý giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý giáo dục người bị kết án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Văn M, Lê Bá T, Lê Bá L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Quốc T, Nguyễn Văn L (Duy), Nguyễn Huy L, Bùi Xuân Th, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn Tr, Bùi Văn H, Nguyễn Văn M và Nguyễn Đức L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Đặng Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 28/12/2017.

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa